

BÁO CÁO

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 Kế hoạch hoạt động năm 2026

Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch hoạt động năm 2026, như sau:

I. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra:

S TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2025	Thực hiện		So sánh (%)	
			Năm 2024	Năm 2025	KH Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5	6=5/3	7=5/4
1	Tổng sản lượng (m ³), trong đó:	10.450.000	10.151.095	10.288.313	98,45	101,35
	+ Cấp cho Công ty CP Cấp nước Thốt Nốt		77.223	90.825		
2	Tổng doanh thu (tr.đồng)	106.000	104.604,93	107.119,20		
	- Sản xuất kinh doanh	106.000	103.062,92	106.369,84	100,35	103,21
	- Hỗ trợ di dời		1.542,01	749,36		
3	Tổng LN trước thuế (tr.đồng)	46.200	46.995,69	46.884,15		
	- Sản xuất kinh doanh	46.200	46.199,86	46.668,39	101,01	101,01
	- Hỗ trợ di dời		795,83	215,76		
4	Tổng LN sau thuế (tr.đồng)	36.860	37.522,08	37.396,19		
	- Sản xuất kinh doanh	36.860	36.885,42	37.223,58	100,99	100,92
	- Hỗ trợ di dời		636,66	172,61		
5	Số hộ đầu nối (hộ), trong đó:	900	1.485	1.896	210,67	127,68
	+ Nhận từ nước sạch nông thôn			639		
6	Tỷ lệ thất thoát (%)	11	11,47	10,53	-0,47	-0,94

Hệ thống diện năng lượng mặt trời: 242.471 kw (tiết kiệm 377.042.405 đồng).

2. Xây dựng cơ bản (XDCB):

- Nhà máy nước Trà Nóc mở rộng thêm 10.000m³/ngày đêm: Thi công xong ống thu nước sau lọc và cải tạo hồ xi phong cụm lọc 2. Trạm bơm nước thô, cụm xử lý nước, đang tiếp tục triển khai thi công.

- Công trình mở mạng và cải tạo hệ thống cấp nước: cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng.

+ Tổng đường ống đến ngày 31/12/2025: 735,17 km, trong đó:

++ D150 - D600: 166,09 km;

++ D49 - D114: 569,08 km.

+ Quyết toán hình thành tài sản: 15 công trình và 01 máy ép bùn, giá trị 22.291.120.581 đồng.

+ Tiến độ thi công đến ngày 31/12/2025:

Tổng hợp XDCB năm 2025 - 2026		Năm 2025		
		Kế hoạch 2025	Thực hiện	So sánh KH 2025 (%)
Ống chuyển tải	53.814	26.907	14.536	54,02
Ống phân phối	59.487	29.744	38.120	128,16
Cộng	113.301	56.651	52.656	92,95

3. Công tác chuyên môn, nghiệp vụ:

- Thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về: công bố thông tin đối với Công ty đại chúng tại thị trường chứng khoán Upcom (mã chứng khoán: TOW).

- Phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thành công Hội nghị đại biểu Người lao động: thống nhất nội dung Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động, Quy chế dân chủ ở cơ sở... đối thoại định kỳ theo quy định...

- Hoàn thành cập nhật dấu, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Công ty sau khi thay đổi địa giới hành chính mới.

- Tiếp tục duy trì với các đối tác thu hộ tiền nước; Ứng dụng Mapinfo trong quản lý hệ thống cấp nước.

- Duy trì vận hành theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

- Hoàn thành công tác lập báo cáo quyết toán lương năm 2024, kế hoạch lương năm 2025; Quy chế lương, thưởng, thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và người lao động - đã được Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Cần Thơ phê duyệt. Chi lương đúng Quy chế đã ban hành.

- Hoàn thành công tác lập báo cáo thuế trong quý và các báo cáo quyết toán thuế năm 2024. Tiếp đoàn thanh tra thuế niên độ 2020-2024.

- Báo cáo tình hình cấp nước an toàn 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm 2025 gửi Sở Xây dựng.

- Về bảo vệ, khai thác nguồn nước: Luôn theo dõi chất lượng nguồn nước thô; Giám sát chất lượng nước online tại các nhà máy; Lắp biển báo vùng bảo hộ; Lắp tol chắn rác tại các Trạm cấp nước.

180
C
C
CÁ
TR
Ô
CT

- Thường xuyên kiểm tra, vệ sinh, tu bổ sửa chữa máy móc, hệ thống thiết bị, đảm bảo sản xuất nước an toàn và liên tục ổn định 24/24. Đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, chất lượng nước đạt quy chuẩn của Bộ Y tế QCVN 01-1:2024/BYT.

- Giám sát chất lượng công trình thi công, lắp đặt; Lắp đặt đúng thời gian quy định. Lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các tuyến ống, lắp đặt các đồng hồ đo áp theo dõi áp lực trên toàn mạng lưới. Xử lý kịp thời các sự cố, các đơn vị thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng nước tốt nhất cho khách hàng.

- Tiểu đội tự vệ cơ quan cùng với các đoàn thể Công ty tăng cường trực vào các dịp tết Dương lịch. Đảm bảo an ninh trật tự trong Công ty: Giữ mối liên hệ chặt chẽ với Phòng an ninh kinh tế - Công an thành phố Cần Thơ; Ban chỉ đạo Kế hoạch an toàn về an ninh trật tự; Đội bảo vệ Công ty Cổ phần Hạ tầng khu công nghiệp Cần Thơ; Chính quyền và Công an các địa phương trên địa bàn cung cấp nước sạch.

- Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ tại Công ty:

+ 24 cán bộ người lao động tham gia huấn luyện nghiệp vụ PCCC và Cứu nạn, cứu hộ.

+ 32 cán bộ người lao động thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Công ty.

+ Tiếp đoàn Phòng Cảnh sát PCCC kiểm tra công tác PCCC tại Công ty, số lượt 02 lần.

- Thực hiện tốt các quy định về Bảo hộ lao động, an toàn giao thông, lao động, Phòng chống cháy nổ và vệ sinh tốt khu vực được phân công.

4. Công tác chống thất thoát, thất thu:

- Duy trì thiết lập hệ thống giám sát áp lực và lưu lượng với 81 vùng (trong đó 59 điểm online).

+ Định kỳ hàng tuần kiểm tra đồng hồ từ 25mm trở lên. Thay đồng đo nước đến hạn, mờ số: 9.506 đồng hồ (10 đồng hồ online). Kiểm tra đề nghị nâng nắp chụp van bị lắp cát trên toàn mạng lưới.

- Tiếp tục công tác chống thất thoát, thất thu nước sạch, dò tìm, phát hiện và khắc phục kịp thời sự cố ống bể; Thực hiện kiểm tra định kỳ 1.231 hộ khách hàng đã phát hiện 13 vụ vi phạm Hợp đồng sử dụng nước, truy thu 809 m³ với số tiền thu được là 7.684.696 đồng.

- Các đơn vị thực hiện công tác xả tuyến định kỳ nhằm đảm bảo chất lượng nước tốt nhất cho khách hàng. Giám sát chất lượng công trình thi công, lắp đặt; Lắp đặt đúng thời gian quy định. Lập kế hoạch và thực hiện công tác kiểm tra các tuyến ống, lắp đặt các đồng hồ đo áp theo dõi áp lực trên toàn mạng lưới.

5. Đề tài sáng kiến:

Hội đồng Khoa học kỹ thuật Công ty xét và trình Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty công nhận 07 đề tài sáng kiến kỹ thuật về tiết kiệm điện, bảo vệ môi trường, đảm bảo việc cấp nước an toàn, liên tục và nâng cao chất lượng công tác tại các đơn vị trực thuộc Công ty theo Quyết định số 18/QĐ-TNOM ngày 26 tháng 11 năm 2025 và thưởng 117,585 triệu đồng. Trong đó, có 02 sáng kiến đề nghị Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trên công nhận có phạm vi ảnh hưởng cấp thành phố. Tổng giá trị làm lợi: 732.874.458 đồng (bảy trăm ba mươi hai triệu, tám trăm bảy mươi bốn ngàn, bốn trăm năm mươi tám đồng).

6. Công tác thi đua khen thưởng:

- 02 tập thể thuộc Công ty nhận Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2020 đến năm 2024.

- Xét thi đua cuối năm 2025: Tập thể tiên tiến: 08; Cá nhân đạt lao động tiên tiến: 86, Cá nhân đạt chiến sĩ thi đua cơ sở: 21; 08 tập thể và 43 cá nhân đạt Giấy khen Công ty.

- Đề nghị Hội đồng Thi đua khen thưởng cấp trên xem xét công nhận và khen thưởng: Tập thể xuất sắc: 05; Bằng khen Chủ tịch UBND thành phố: 04 tập thể và 10 cá nhân; Huân chương lao động hạng ba: 02 cá nhân.

7. Công tác chăm lo đời sống cán bộ, người lao động; công tác xã hội:

- Chăm lo chính sách cho cán bộ người lao động nhân dịp lễ tết. Đảm bảo việc làm và đời sống người lao động, thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với Người lao động theo quy định của Nhà nước: nộp đầy đủ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, kinh phí công đoàn. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNLĐ. Lập phụ lục hợp đồng lao động: 81 hồ sơ. Đề nghị nâng lương theo quy định: 79 người. Lập hợp đồng lao động xác định 01 năm 05 hồ sơ; xác định 03 năm 02 hồ sơ; không xác định 03 hồ sơ.

- Chăm lo chính sách cho Cán bộ Người lao động, tặng quà cho con Cán bộ Người lao động ngày 01/6, nhân dịp Tết Trung thu... với số tiền 294,62 triệu đồng.

- Công ty và các đoàn thể tổ chức về nguồn kết hợp nghỉ dưỡng cho Cán bộ Người lao động.

- Tặng tập cho học sinh nghèo, khó khăn hiếu học 60.000 quyển.

- Ủng hộ đồng bào miền Trung, Tây Nguyên bị thiệt hại do bão, lũ: 1.000 kg gạo, số tiền 14,175 triệu đồng.

- Lắp đặt đồng hồ nước miễn phí cho hộ nghèo, 50% chi phí đầu nối cho hộ cận nghèo và gia đình chính sách... trong năm lắp đặt 09 hộ, số tiền 5,385 triệu đồng.

8. Công tác Đảng và các Đoàn thể; công tác xã hội:

- 100% Đảng viên, Người lao động tham gia học Nghị quyết đột phá khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; Nghị quyết Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 Ban chấp hành Trung ương.

+ Đại hội Chi bộ nhiệm kỳ 2025-2030.

+ Chi bộ hoàn thành công tác đánh giá xếp loại cuối năm 2025. Đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Công đoàn Cơ sở: tổ chức thành công Hội nghị Công đoàn cơ sở nhiệm kỳ 2025-2030, hoàn tất thủ tục đổi con dấu; thành lập 06 tổ Công đoàn trực thuộc. Hoàn thành công tác xét thi đua cuối năm. Đề nghị cấp trên công nhận vững mạnh xuất sắc.

- Chi đoàn: 100% Đoàn viên thanh niên Tham dự Hội nghị trực tuyến toàn quốc về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia ngày 13/01/2025 tại Hội trường Công ty; 22/27 đồng chí học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch thực hiện Nghị quyết của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trên app thanh niên.

+ Thực hiện công trình thanh niên, hoàn thành lắp đặt 550 mét đường ống nước D63 HDPE, góp phần cung cấp nước sạch phục vụ sinh hoạt cho bà con khu vực cầu Cồn Chen, xã Đông Hiệp. Hiến máu tình nguyện 02 đồng chí. Đề nghị cấp trên công nhận hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

II. Kế hoạch hoạt động năm 2026:

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2025	Kế hoạch năm 2026	
			Năm 2026	So sánh năm 2025 (%)
1	Sản lượng (m ³)	10.288.313	10.350.000	100,60
2	Tổng doanh thu (tr.đồng)	106.369,84	106.400	100,03
3	Tổng lợi nhuận trước thuế (tr.đồng)	46.679,42	46.200	98,97
4	Tổng lợi nhuận sau thuế (tr.đồng)	37.232,40	36.860	99,00
5	Lắp đặt (hộ)	1.896	800	42,19
6	Tỷ lệ thất thoát (%)	10,53	11	+0,47

- Tiếp tục triển khai thi công các công trình còn lại năm 2025; Các công trình cải tạo phục vụ chống thất thoát nước và nâng cấp, mở rộng mạng lưới cấp nước theo đề nghị của địa phương nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước sạch của người dân. Nguồn vốn: Công ty, vay ngân hàng và nguồn khác (nếu có).

- Đảm bảo việc làm và đời sống NLĐ, đóng bảo hiểm và thực hiện các chính sách đối với NLĐ đúng theo quy định của Nhà nước. Tiếp tục tạo điều kiện cho NLĐ tham gia tập huấn, đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, học tập kinh nghiệm tại các đơn vị trong ngành về công tác chống thất thoát thất thu nước, về công nghệ xử lý nước, quản lý lao động...

- Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào cải tiến chức năng của các phần mềm quản lý.

- Tăng cường công tác chống thất thoát nước.
- Tiếp tục duy trì công tác thanh toán nước qua các kênh thu hộ.


Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026 của Công ty.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cty CP Cấp thoát nước Cần Thơ;
- HĐQT;
- Ban kiểm soát;
- Cấp ủy, BDH;
- Các Đoàn thể;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VT, Thư ký.

GIÁM ĐỐC



Huyền Minh Trung



Số /BC-TNOM

Cần Thơ, ngày 07 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO
KẾT QUẢ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khải toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHCĐ	Quyết toán	Tiền đối thanh toán		Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn Vốn	Chi chú
							Đã thanh toán	Chưa thanh toán				
I. Đã quyết toán												
1	MLCN 10/2022: Mở rộng tuyến ống D300, 200 qua cầu Cờ Đỏ	114	7.835	3.093.284.812	3.093.284.812	1.092.771.705	1.092.771.705	0	10/7/2023	19/5/2024	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản
		63	211									
2	MLCN 02/2023: Cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước huyện Cờ Đỏ; Tuyến ống D114, D60 PVC từ UBND TT Cờ Đỏ đến cầu Lòng Ông nhô đến ấp Thới Hòa B, TT Cờ Đỏ, Từ Trạm Cấp nước Cờ Đỏ đến Kênh số 1, huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ	114	3.000	2.225.988.169	2.225.988.169	1.359.354.542	1.359.354.542	0	10/11/2023	05/8/2024	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản
		60	1.900									
3	MLCN 03/2023: Cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn; Tuyến ống 168 PVC đường Thái Thị Hạnh, quận Ô Môn, TP Cần Thơ	168	4.000	3.207.475.458	3.207.475.458	2.633.641.968	2.633.641.968	0	07/6/2023	30/12/2024	Quý đầu tư phát triển	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản
		114	3.640									
4	MLCN 02/2024: Mở rộng MLCN quận Ô Môn; tuyến ống D114 QL91 bên trái, từ ngã ba QL91 và tuyến tránh sạt lỏ đến UBND phường Long Hưng; từ Thái Thị Hạnh đến D114 HH.	114	4.850	1.164.000.000	1.164.000.000	1.171.548.330	1.171.548.330	0	13/6/2024	02/7/2024	Quý đầu tư phát triển	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản
5	MLCN 03/2024: Mở rộng mạng lưới quận Ô Môn; Tuyến D63; nhánh rạch Phê - rạch Mương Khai, hầm cấp nhà thuộc thủ y Huyện Hậu, hầm kho TP; Tuyến D114 cấp sông Cần Thơ từ Tỉnh lộ 922 mới đến cầu mới Ba Se bên phải, cấp rạch Trà Luột.	114	3.408	957.070.000	957.070.000	815.225.068	815.225.068	0	01/7/2024	31/10/2024	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản
		63	1.150									

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khái toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHQĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn vốn	Ghi chú
							Vốn vay	Đã thanh toán	Chưa thanh toán				
6	MLCN 04/2024: Mở rộng mạng lưới quận Ô Môn: tuyến D168 đường Trần Kiệt Tường, bên trái, từ QL-91 đến cầu Bà Rich)	220	80	1.830.625.792	1.830.625.792	1.184.730.091	0	1.184.730.091	04/6/2024	21/6/2024	Quý đầu tư phát triển	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản	
		168	2.177										
		114	50										
7	MLCN 07/2024: MRML P. Trà Nóc, P. Thới An Đông, QBT: tuyến ống D114 pvc rạch Ông Tường giáp Long Hoà; ống D63 HDPE hẻm qua cầu Bà Kê, QL91B, KV Thới Thạnh; hẻm đối diện đường Ng. Việt Xuân, hẻm cạnh quán cơm Thuận Phát, QL91B, KV Thới An, p. Thới An Đông, hẻm 7A, 8A đường NCT, KV1, Phường Trà Nóc.	114	810	479.960.000	479.960.000	459.390.485	0	459.390.485	04/9/2024	24/02/2025	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản	
		63	2.360										
8	MLCN 01/2024: Tuyến ống cấp nước an toàn HTL - HCB, D168 TL922 từ UBND xã Xuân Thắng (D114 HH), H. Thới Lai đến Công an HCB (D168 HH).	168	10.745	5.519.684.834	5.519.684.834	4.752.445.428	0	4.752.445.428	05/12/2024	30/5/2025	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản	
9	MLCN 09/2022: Phân vùng tách mạng, gắn đồng hồ tổng cho khu vực Trà Nóc. Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng, áp lực trên mạng lưới			1.730.832.000	1.730.832.000	1.239.834.866	0	1.239.834.866	20/6/2022	14/5/2025	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản	
10	Dự án Nghiên cứu ứng dụng công nghệ điện tử cảm biến quản lý hệ thống mạng lưới các tuyến ống cấp nước và giám sát chất lượng nước tại Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc - Ô Môn.			2.787.855.007	2.787.855.007	2.082.130.616	0	2.082.130.616	01/3/2024	25/5/2025	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản	
11	Tuyến ống phân phối nhỏ quận Ô Môn			513.027.345	513.027.345	198.036.317	0	198.036.317	19/11/2024	10/6/2025	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản	
12	Máy ép bùn nước cấp tại NMIN Ô Môn			980.000.000	980.000.000	516.477.600	0	516.477.600			Khấu hao cơ bản		
13	Ống thông bê chứa nước sạch D800 HDPE			1.866.500.009	1.866.500.009	1.277.826.618	0	1.277.826.618	27/9/20003	30/5/2024	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản	
14	Hồ sơ lắp NMIN Cờ Đỏ			1.449.013.000	1.449.013.000	1.004.293.369	0	1.004.293.369	27/5/2025	07/8/2025	Khấu hao cơ bản	Đã hình thành tài sản	

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khả toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHĐCĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn Vốn	Ghi chú
							Vốn vay	Đã thanh toán	Chưa thanh toán				
15	MLCN 05/2024: Cải tạo mở rộng MLCN H.Thới Lai; tuyến D200, D60 chợ Thới Lai; tuyến D168 đường Hồ Thị Thưởng, từ D168 HH đến Tỉnh lộ 922 mới, bên trái; tuyến D63 kênh 4 thước từ D114 HH đường huyện 16 đến D 63 HH kênh 4 thước;	168	468	1.060.100.000	1.060.100.000	998.172.100			932.803.123	12/8/2024	07/10/2025	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản
		114	1.100										
		63	3.500										
		60	427										
16	MLCN 10/2024: Mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn: tuyến ống D 168, D 114 phường Thới Long	168	2.058	2.173.915.000	2.173.915.000	1.505.241.479		1.505.241.479	0	02/6/2025	16/7/2025	Khấu hao cơ bản	Chuyển tiếp từ năm 2024, đã hình thành tài sản
		114	1.145										
				31.039.331.426	31.039.331.426	22.291.120.581		22.225.751.605			65.368.977		

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khái toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHCĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Đã thi công	Tỷ lệ hoàn thành	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn vốn	Ghi chú
							Vốn vay	Đã thanh toán	Công ty						
II. Thực hiện năm 2025 và các năm tiếp theo															
1	Nâng công suất NMM Trà Nóc thêm 10.000 m ³ /ngày			28.782.795.603	27.816.624.603			10.663.999.431							
	Trạm bơm nước thô			4.561.400.000	4.561.400.000			2.586.078.717							
	Cụm xử lý nước			21.191.025.000	21.191.025.000			6.861.335.432							
	Trạm bơm cấp 2			78.942.000	78.942.000										
	Ông thu nước sau lọc, cấp nước rửa lọc			1.985.257.603	1.985.257.603			1.216.585.282							
	Cải tạo bể lắng bùn, đường nội bộ, cây xanh			966.171.000											
2	MLCN 02/2022: Mở rộng tuyến ống qua cầu Kênh Ngang, TL922, huyện Cờ Đỏ, TP Cần Thơ	200 168 114	547 287 227	1.303.147.000	250.000.000			102.449.933		20	02/6/2023			Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	Đang thi công theo tiến độ địa phương.
3	MLCN 03/2022: Mở rộng tuyến ống phục vụ nâng cấp TL 917 quận Ô Môn, TP Cần Thơ	400 225 114 63	30 262 318 268	1.123.875.000	250.000.000					24				Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	
4	MLCN 11/2022: Cải tạo mở rộng tuyến ống D200, 168, 114, 63 TL 923 (QL 91 đến cầu Ba Se)	400 300 200 168 114 110 60 63	12 18 887 2.021 856 743 243 442	6.619.323.000	500.000.000									Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	



STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khối lượng/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHQĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Đã thi công	Tỷ lệ hoàn thành	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn Vốn	Ghi chú
							Vốn vay	Đã thanh toán	Chưa thanh toán						
5	MLCN 06/2024: Cải tạo MRMLCN H.CĐ, Tuyến ống D114: cấp kênh Thoát Nốt từ cầu chùa Phước Linh đến cầu Năm Châu nhỏ; kênh số 1 U Tàu, bên phải từ cầu số 1 U Tàu đến cầu Đường Tác nhỏ; cấp Kênh Đứng bên phải từ cầu Kênh Thủ; cấp lộ Trôi Xuán hai bên Đứng đến cầu tỉnh xá Ngọc từ TL919 đến cầu Lò Thiêu; cấp kênh Lòng Ống từ cầu Lòng Ống đến cầu Kênh Số 3; hẻm Lò Bùn áp Thời Hoà (hai bên); từ cầu Đường Tắc đến cầu Đường Tác nhỏ bên phải.	114	7.014	2.649.345.000	1.000.000.000				6.660	95	30/6/2025	30/10/2025	Quý đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	Đang thi công xong, đã quyết toán	
6	MLCN 08/2024: Mở rộng và Cải tạo MLCN KCN Trà Nóc, tuyến ống D220 pvc ĐS1 (hai bên), tuyến ống D220 pvc đường số 4 (bên trái), tuyến D168 pvc Đường số 5 (hai bên), tuyến ống D168 pvc Đường số 2 (hai bên), tuyến ống D168 pvc ĐS3 (hai bên) KCN Trà Nóc 1.	220 168 60	2.046 3.688 220	5.064.439.000	500.000.000								177.614.416	Quý đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	
7	MLCN 09/2024: Cải tạo mạng lưới cấp nước quận Ô Môn - quận Bình Thủy phục vụ thi công đường vành đai Phía Tây	315 220 114 63	170 10 833 540	1.232.228.000	250.000.000									Quý đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khả năng/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHĐCĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Đã thi công	Tỷ lệ hoàn thành	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn Vốn	Ghi chú
							Vốn vay	Đã thanh toán	Chưa thanh toán						
8	MLCN 01/2025: Mở rộng và Cải tạo MLCN KCN Trà Nóc, tuyến ống D315 HDPE (cấp Công ty Hoà Chất) KCN Trà Nóc 1, tuyến ống D220 pvc đường số 9 (bên phải); tuyến ống D168 pvc đường số 8 (hai bên), tuyến ống D168 pvc, đường số 10 (bên trái), KCN Trà Nóc 2	315	250												
		220	735	2.475.625.000											
		168	2.125												
9	MLCN 02/2025: Cải tạo mạng lưới cấp nước quần Ô Môn phục vụ nâng cao thông thuyền cầu Ô Môn	315	1.077						342	32				Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	Thi công theo tiến độ địa phương, đạt 38,85%
		168	349	4.148.186.006	1.591.854.025			236	68	26/5/2025					
		114	180												
		63	175						120	69					
10	MLCN 03/2025: Tuyến ống cấp nước an toàn Ô Môn - Thốt Nốt, D168 QL 91 từ cầu Bánh Tét (D168 HH) đến cầu Cái Ngải (D168 HH).	168	7.135	4.851.459.000	1.000.000.000				7.540	106		06/10/2025	Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	Thi công xong, chuẩn bị quyết toán	
11	MLCN 04/2025: Cải tạo tuyến ống D 600 đường trục chính khu công nghiệp (từ Công ty đến đường số 4).	600	1.000	4.950.000.000											
12	MLCN 05/2025: Cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước huyện Thới Lai: Tuyến ống D220 Tỉnh lộ 922 (đổi điện chọi cũ Thới Lai từ cầu Xẻo Xào đến Hồng Đức, cầu Thới Lai mới); Tuyến ống D168 Tỉnh lộ 922 mới (từ đường huyện 16 đến cầu Xẻo Xào bên trái).	220	1.360	3.629.089.000	500.000.000										132.318.842
		168	2.191												

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khái toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHQĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Đã thi công	Tỷ lệ hoàn thành	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn vốn	Ghi chú	
							Đã thanh toán	Công ty	Chưa thanh toán							
				Vốn vay												
13	MLCN 06/2025: Cải tạo MRMLCN Cờ Đỏ. Tuyến ống D114: cấp kênh Thoát Nước từ cầu chùa Phước Linh đến cầu Năm Châu nhỏ; cấp Kênh Đứng bên phải từ cầu Kênh Đứng đến cầu tịnh xã Ngọc Thủy; TL 919 từ ống hiện hữu đến ngã ba Nông Trường; từ cầu Đường Tắc đến cầu Đường Tắc nhỏ bên phải; Tuyến D63, kênh Năm Châu, hẻm Lò Bùn áp Thời Hoà (hải bên), đường vào kho Cờ Đỏ, Trường Mầm Non.	114	4.779	2.691.475.421	500.000.000			112.284.465								
		63	3.783						404.269.859	5.950	99	07/7/2025	18/12/2025	Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	Đang thi công theo tiến độ địa phương đạt 99%	
14	MLCN 07/2025: Cải tạo MRMLCN Thời Lai. Tuyến D63: cấp rạch Cồn Chen từ Trại Giã đến kênh Đông Pháp; Xóm Mỹ; Bà Đằm - Thị Đới; Trà Keo	63	6.000	1.583.691.000	1.583.691.000											
		220	3.075	3.569.676.000	1.500.000.000			3.510.991								
15	MLCN 08/2025: Cải tạo MRMLCN Thời Lai. Tuyến ống D200, D60 TL 922 từ NMIN Thời Lai đến cầu Vàm Nhon, bên trái	60	2.909													
		168	2.172													
16	MLCN 09/2025: Cải tạo MRMLCN khu vực Trà Nóc. Tuyến ống D114: chợ Sang Trảng, hẻm 79 Lê Hồng Phong. Tuyến D63: hẻm Liên tổ 6-7-8 Lê Hồng Phong; từ cầu Sang Trảng 1 đến cầu Trà Nóc (bên phải); từ Nhiệt điện Ô Môn đến đường Đàng Thanh Sứ (bên trái); hẻm đối diện đường Nguyễn Viết Xuân QL 91B; hẻm rạch Mưong Dong, Trần Thị Mười; rạch Lý Bình QL	114	2.918	4.719.000.000	1.000.000.000											
		110	706													

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khả toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHĐCĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Tỷ lệ hoàn thành	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn vốn	Ghi chú														
							Đã thanh toán	Chưa thanh toán	Đã thi công																			
				Vốn vay	Công ty																							
17	91B, TUYẾN D114 TỪ TRẠNG ÔNG MÓN ĐẾN TRƯỜNG LẠC. TUYẾN D168 TL 922 MỚI, 2 BÊN, TỪ QL 91B ĐẾN TL 923	63	6.416																									
															MLCN 10/2025: Mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn: tuyến ống D 168, D 114 Trần Kiệt Tường và các hẻm từ cầu Ba Rịch đến cầu Ca Mý	1.08	1.432											
																114	2.127	1.416.795.000										
																63	100											
18	MLCN 11/2025: Cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn: tuyến ống D168, D63 nối D168 HH chợ Thới Long và D114 hẻm cầu Bánh Tết	168	2.295																									
															114	1.424	2.075.170.000											
															63	1.271												
19	MLCN 12/2025: Cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn. Tuyến ống D114 cấp sông Tắt Ông Thục, 2 bên, từ QL91 đến Trần Hưng Đạo; hẻm 5,7 đường Trưng Nữ Vương; QL 91 từ cầu TOT đến nghĩa trang Ô Môn	114	2.500																									
															60	1.350	2.188.301.000	1.250.000.000										
20	MLCN 13/2025: Cải tạo mở rộng mạng lưới cấp nước quận Ô Môn tuyến ống Q1 từ Trường Quân Sự đến Nghĩa Trang Ô Môn	108	2.870																									
															108	2.870	1.578.500.000	1.578.500.000										
21	MLCN 14/2025: Tuyến ống cấp nước an toàn Cờ Đỏ - Thốt Nốt, TL 921 (giai đoạn 1: từ cầu Huyện Kiệt đến cầu Ngã Tư)	168	8.500																									

STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khải toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHQĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Tỷ lệ hoàn thành	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn vốn	Ghi chú
							Vốn vay	Đã thanh toán	Chưa thanh toán					
22	MLCN 15/2025: Tuyển ông cấp nước an toàn Tuyển Cầu Rạch Sung đến cầu Xẻo Sặc; Tuyển từ cầu Bù Lu đến cầu Bến Hạ phường Thới Long, quận Ô Môn	168	4.300	2.365.000.000	500.000.000									
		220	912	1.186.014.000	400.000.000									
24	MLCN 01/2026: Tuyển ông D168 tăng áp cho khu vực Rạch Dàu, KH8; D63 cấp sông Ô Môn, từ cầu Tắc Cà Đê đến cầu Vàm Nhơn	168	3.741	1.972.000.000	1.972.000.000		913.565.436		432	12				Ứng vật tư làm trước
		63	2.300						1.970	86				
25	Các tuyến ống phân phối nhỏ	114	5.000	2.575.000.000	2.276.556.511		2.439.080.382		2.630	53				
		63	5.000						755	15				
	Tuyến cấp sông Ô Môn từ cầu Rạch Tra đến cầu Rạch Nhum, phường Ô Môn	114	1.850	696.837.682	696.837.682		472.551.129		1.940	105	29/8/2025	30/9/2025	Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	Đã quyết toán
	1. Tuyển Ông D114 PVC Chợ Thới Lai; 2. Tuyển Ông D114 PVC, D63 HDPE Cấp Kênh Xẻo Xảo Bến Phái; 3. Tuyển Ông D63 HDPE Cấp Kênh Chuối Bến Trãi; 4. Tuyển Ông D114, D60 PVC Cấp Kênh Rạch Tra Bến Phái; 5. Di Dời Ông D114 PVC, D63 HDPE Đường Huyện 16, Đường Hồ Thị Thường, huyện Thới Lai	114	2.694	1.579.718.829	1.579.718.829		862.294.975		2.404	89	04/12/2024	20/6/2025	Quỹ đầu tư phát triển, khấu hao cơ bản và vay	Đã quyết toán
		63	950						1.190	100				
	Tuyến hẻm Chợ bến đò Đù Đù, phường Phước Thới	114	1.620				492.794.358		1.620	100				Ứng vật tư làm trước



STT	Công trình	Đường kính (mm)	Chiều dài (m)	Khái toán/Dự toán	Kế hoạch vốn phân bổ theo nghị quyết ĐHBCĐ	Quyết toán	Tiến độ thanh toán			Đã thi công	Tỷ lệ hoàn thành	Ngày khởi công	Ngày hoàn thành	Nguồn Vốn	Ghi chú
							Vốn vay	Công ty	Chưa thanh toán						
	Tuyến đường Châu Văn Liêm, Trường mầm non Hướng Dương, cầu Út Sát - Ngã ba Đình; Rạch Mương Bông, Phường Ô Môn, phường Phước Thới.	114 63	2.793 250				913.565.436		690	25					Ứng vật tư làm trước
	Tuyến ống D114 pvc cỡ số 8 Kênh Đưng, tuyến D63 HDPE nhà trọ Nguyễn Thanh ĐT921, Cờ Đỏ, TPCT	114 63	1.650 50				190.668.842		50	100					Ứng vật tư làm trước
CỘNG (II)				113.301	99.493.134.030	48.147.337.114	0	23.674.946.984	0	52.656					

Tổng hợp XDCB năm 2025 - 2026	Năm 2025			Quý IV/2025		
	Kế hoạch 2025	Thực hiện	So sánh KH 2025	Thực hiện	So sánh KH 2025	So sánh quý III/2025
Ông chuyển tài	53.814	26.907	54,02%	1.592	5,92%	18,94%
Ông nhân mới	59.487	29.744	128,16%	13.704	46,07%	198,49%
Cộng	113.301	56.651	92,95%	15.296	27,00%	99,92%

GIÁM ĐỐC

Huỳnh Minh Trung



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT NĂM 2025
(CÔNG TY CỔ PHẦN TRÀ NÓC - Ô MÔN TỪ NGÀY 01/01 ĐẾN NGÀY 31/12/2025)

1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	SỐ CUỐI KỲ	SỐ ĐẦU KỲ	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	32.285.967.735	27.655.365.423			
	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	8.387.481.260	7.748.522.135	1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.617.863.774	103.172.464.739
	2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	2 Các khoản giảm trừ doanh thu		
	3. Các khoản phải thu ngắn hạn	9.361.503.714	5.187.875.655	3 DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.617.863.774	103.172.464.739
	4. Hàng tồn kho	4.010.690.690	4.384.873.006	4 Giá vốn bán hàng	47.013.759.673	42.580.127.944
	5. Tài sản ngắn hạn khác	526.292.071	334.094.627	5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	58.604.104.101	60.592.336.795
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	188.861.713.698	178.840.584.251	6 Doanh thu hoạt động tài chính	657.367.408	258.899.144
	1. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	7 Chi phí tài chính	796.443.012	1.038.054.171
	2. Tài sản cố định	161.926.762.966	157.603.829.223	8 Chi phí bán hàng	1.530.517.359	3.941.571.599
	- Nguyên giá	284.696.886.934	265.975.789.989	9 Chi phí quản lý kinh doanh	10.012.673.952	9.195.208.648
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-122.770.123.968	-108.371.960.766	10 Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh	46.921.837.186	46.676.401.521
	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	18.250.050.579	14.087.848.373	11 Thu nhập khác	843.973.910	1.173.572.218
	4. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	12 Chi phí khác	881.656.917	854.290.847
	5. Tài sản dài hạn khác	8.684.900.153	7.148.906.655	13 Lợi nhuận khác	-37.683.007	319.281.371
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	221.147.681.433	206.495.949.674	14 Tổng lợi nhuận trước thuế	46.884.154.179	46.995.682.892
IV	NỢ PHẢI TRẢ	23.784.348.964	19.813.554.671	15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	9.487.961.085	9.503.597.683
	1. Nợ ngắn hạn	14.621.441.110	12.849.128.851	16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	37.396.193.094	37.492.085.209
				17 Lãi cơ bản trên mỗi cổ phần	4.466	4.435

2. Nợ dài hạn	9.162.907.854	6.964.425.820
V NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	197.363.332.469	186.682.395.003
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	79.781.500.000	79.781.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	-82.478.663	-82.478.663
Vốn khác của chủ sở hữu	69.802.325.126	64.812.404.738
Cổ phiếu quỹ	-990.000	-990.000
Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Quỹ đầu tư phát triển	10.466.782.912	4.403.873.719
Quỹ dự phòng tài chính		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	37.396.193.094	37.492.085.209
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	276.000.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		
VI TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	221.147.681.433	206.495.949.674

GIÁM ĐỐC

Huyền Minh Trung

Lê Thị Thanh Phương

3. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN			
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2025	NĂM 2024
1	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	14,60	13,39
	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	85,40	86,61
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	10,75	9,60
	Vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	89,25	90,40
3	Tỷ suất sinh lời (TSSL)		
	TLN trước thuế / Tổng tài sản	21,20	22,76
	TLN sau thuế / Doanh thu thuần	35,41	36,34
	TLN sau thuế / Vốn chủ sở hữu	46,87	46,99
4	Số lao động bình quân	87	87
5	Lương bình quân người /tháng (trở)	12,50	10,52

Cần Thơ, ngày 04 tháng 02 năm 2026

KẾ TOÁN TRƯỞNG